Chi tiết mã HS 8425.42.90

Mã HS	8425.42.90
Mô tả hàng hóa	Hệ ròng rọc và hệ tời trừ tời nâng kiểu gầu nâng (trục tải thùng kíp); tời ngang và tời dọc; kích các loại / - Kích; tời nâng xe: / - - Loại kích và tời khác, dùng thủy lực: / - - - Loại khác
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:45:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84254290/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K13602
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N13602
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q13602
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12899
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12840
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12840
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12840
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12840
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12840
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12840
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12894
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12894
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12894

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12894
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12894
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12894
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12895
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12895
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12895
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12895
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12895
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12895
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12898
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12846
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12854
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12854
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12854
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12854
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12854
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12854
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12885
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12885
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12885
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12885
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12885
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12885
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12934
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12934
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12934

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12934
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12934
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12934
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12917
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12917
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12917
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12917
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12917
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12917
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12917
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12917
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12917
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12917
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12917
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12917
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12932
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12932
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12932
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12932
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12932
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12932
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12931
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12931
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12931
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12931
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12931

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12931
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12911
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12911
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12911
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12911
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12911
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12911
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12911
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12919
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12919
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12919
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12919
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12919
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12919
RCEP B	2022	2022	0	B!D12919
RCEP B	2023	2023	0	B!E12919
RCEP B	2024	2024	0	B!F12919
RCEP B	2025	2025	0	B!G12919
RCEP B	2026	2026	0	B!H12919
RCEP B	2027	2027	0	B!I12919
RCEP C	2022	2022	0	C!D12919
RCEP C	2023	2023	0	C!E12919
RCEP C	2024	2024	0	C!F12919
RCEP C	2025	2025	0	C!G12919
RCEP C	2026	2026	0	C!H12919
RCEP C	2027	2027	0	C!I12919

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12918
RCEP D	2023	2023	0	D!E12918
RCEP D	2024	2024	0	D!F12918
RCEP D	2025	2025	0	D!G12918
RCEP D	2026	2026	0	D!H12918
RCEP D	2027	2027	0	D!I12918
RCEP E	2022	2022	0	E!D12922
RCEP E	2023	2023	0	E!E12922
RCEP E	2024	2024	0	E!F12922
RCEP E	2025	2025	0	E!G12922
RCEP E	2026	2026	0	E!H12922
RCEP E	2027	2027	0	E!I12922
RCEP F	2022	2022	0	F!D12919
RCEP F	2023	2023	0	F!E12919
RCEP F	2024	2024	0	F!F12919
RCEP F	2025	2025	0	F!G12919
RCEP F	2026	2026	0	F!H12919
RCEP F	2027	2027	0	F!I12919
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11980
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11980
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11980
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11980

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)		01/2021/TT-BLĐTBXH	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8425.42 có 2 dòng thuế; dòng 8425.42.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8425.42.10 Kích nâng dùng cho cơ cấu tự đổ của xe tải	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8425.42.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8425.42.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N13602), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
SPHH phải KTNN về CL khi NK (01/2021/TT-BLĐTBXH)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.